

Số: 30/2024/QĐST-HNGĐ

Ninh Hải, ngày 13 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Khu phố A, phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05/3/2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày: 05/3/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Tuấn k, sinh ngày: 24/12/2021. Ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, nhưng có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con,

thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại các điều 357, 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí: Bà **Nguyễn Thị H** đồng ý chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm theo thỏa thuận, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001727 ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. **H1** lại cho bà **H** số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Ông **Lê Văn Đ** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- CCTHADS huyện Ninh Hải;
- UBND thị trấn Khánh Hải (Số ĐKKH số 45, ngày 12/5/2021);
- Lưu hồ sơ./.

THẨM PHÁN

Lê Hoàng Hải